

236. Tỷ lệ học sinh phổ thông lưu ban, bỏ học phân theo cấp học và phân theo giới tính*Rate of repeatters and drop-out by grade and sex*

Đơn vị tính - Unit: %

	Năm học - School year				
	2010	2015	2016	2017	2018
	2011	2016	2017	2018	2019
Tỷ lệ học sinh phổ thông lưu ban - Rate of repeatters	3,84	1,30	1,11	0,99	1,07
Tiểu học - Primary	3,43	0,91	0,81	0,72	0,68
Trong đó: Nữ - Of which: Female	2,71	0,58	0,51	0,22	0,21
Trung học cơ sở - Lower secondary	4,39	2,24	1,80	1,70	1,80
Trong đó: Nữ - Of which: Female	2,51	0,71	0,59	0,27	0,28
Trung học phổ thông - Upper secondary	4,08	0,61	0,65	0,36	0,73
Trong đó: Nữ - Of which: Female	2,90	0,82	0,20	0,04	0,04
Tỷ lệ học sinh phổ thông bỏ học - Rate of drop-out	1,48	0,90	0,18	1,55	0,17
Tiểu học - Primary	0,65	0,16	0,01	0,09	0,08
Trong đó: Nữ - Of which: Female	0,54	0,13	0,01	0,04	0,03
Trung học cơ sở - Lower secondary	2,40	2,13	0,34	3,25	0,24
Trong đó: Nữ - Of which: Female	1,68	1,30	0,19	1,03	0,05
Trung học phổ thông - Upper secondary	2,33	0,81	0,43	1,30	0,20
Trong đó: Nữ - Of which: Female	1,74	1,53	0,23	0,50	0,13